TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM X** **TỈNH HÀ T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm X, ngày 12 tháng 04 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Kiều Anh T**, sinh ngày: 09/04/1970.

Trú quán: Số 91 Lý Tự T, phường Bắc H, thành phố Hà T, tỉnh Hà T.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh ngày: 10/03/1976.

Nơi ở hiện nay: Thôn Văn H, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T.

Căn cứ vào khoản 3, 4 điều 147, điều 212, và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 điều 51; điều 53; điều 54; điều 55; điều 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7, điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc hội quy đinh về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Kiều Anh T và chị Nguyễn Thị H.

2.Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Kiều Anh T và chị Nguyễn Thị H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Kiều Thị Phương A (nữ), sinh ngày 13/04/2003 và cháu Kiều Anh Q (nam), sinh ngày 05/07/2004.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị H như sau:

Giao cháu Kiều Thị Phương A và cháu Kiều Anh Q cho anh Kiều Anh T trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Kiều Thị Phương A và cháu Kiều Anh Q đến tuổi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh Kiều Anh T và chị Nguyễn Thị H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng Anh T và chị H không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh Kiều Anh T và chị Nguyễn Thị H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không vay nợ ai cũng như không ai vay nợ vợ chồng.

- Về án phí: Anh Kiều Anh T và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận anh T có nghĩa vụ nộp 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nh- ng đ- ợc khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Tuấn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm X, tỉnh Hà T theo biên lai số 0000655, ngày 13 tháng 03 năm 2018. Trả lại cho anh T 150.000đ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà T;
- Viện kiểm sát huyện Cẩm X;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm X;
- UBND phường Bắc H (để xóa tên trong sổ đăng ký kết hôn số 27 tháng 05/ 2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh T